TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày: 12-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Ông Ngô Văn Sung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Đ, sinh ngày 14 tháng 8 năm 1995, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp C, xã T1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ1 và bà L; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa có; bị bắt, tạm giữ ngày 08 tháng 01 năm 2019; tạm giam ngày 11 tháng 01 năm 2019; có mặt.

- *Bị hại*: P, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp C, xã T1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Đ2, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp 1, xã T1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. X, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp 1, xã T1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người làm chứng: Đ3, H, H1, Đ4, C, L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ, ngày 19 tháng 5 năm 2018, Đ cùng với P, Đ4 và C đến quán nước Q (thuộc ấp C, xã T1) khoảng 30 phút thì Đ mượn điện thoại di động (hiệu OPPO F5 Gold, màu hồng) của anh P sử dụng. Anh P đồng ý. Sau đó, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại, nên hỏi mượn xe của anh P và rủ Đ4 cùng đi. Đ điều khiển xe chạy đến tiệm cầm đồ HT (thuộc xã T1) cầm điện thoại cho chị X, giá 1.000.000 đồng. Sau đó, Đ và Đ4 chạy qua Campuchia chơi Game thua hết tiền. Đ kêu Đ4 quay lại tiệm cầm đồ cầm thêm 1.000.000 đồng, nhưng anh Đ2 chỉ cầm thêm 500.000 đồng. Đ4 đem tiền qua đưa Đ. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, không thấy Đ, nên anh P đi tìm. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, anh P qua Campuchia gặp Đ và hỏi điện thoại. Đ nói cầm rồi. Anh P đến Công an trình báo sự việc.

Sau khi thực hiện hành vi trên Đ bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 20 tháng 11 năm 2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng Ngự truy nã bị can, đến ngày 08 tháng 01 năm 2019, Đ ra đầu thú.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động, hiệu OPPO F5 Gold, màu hồng, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho anh P.

Bản kết luận định giá tài sản số 11/BBĐG-TSHS, ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F5 Gold, màu hồng, đã qua sử dụng. Trị giá 4.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại P đã nhận lại điện thoại, không yêu cầu Đ bồi thường thiệt hại. Gia đình bị can Đ đã bồi thường cho anh Đ2 số tiền cầm điện thoại là 1.500.000 đồng, không yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSHN ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo Đ từ 06 đến 09 tháng tù về "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Đối với chị Xuyên là người nhận cầm điện thoại và Đ4 là người cầm, về ý thức, chị Xuyên và Đ4 không biết tài sản do người khác phạm tội mà có nên không đề cập đến trách nhiệm hình sự. Về dân sự: Đã thỏa thuận xong nên không đề cập đến. Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp nên không đề cập đến.

Bị cáo Đ thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên không có tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đ khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đã chứng minh được:

[3] Bị cáo Đ là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng, tín nhiệm của bị hại P, giao tài sản là điện thoại di động, trị giá 4.000.000 đồng, cho bị cáo mượn. Bị cáo đã dùng tài sản đó đem cầm để sử dụng vào mục đích bất hợp pháp là đánh bạc bằng hình thức chơi game ở Campuchia bị thua, không có khả năng trả lại tài sản cho bị hại. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Đ phạm "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

BLHS quy định: "*Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)...

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản."

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Đ là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

[6] Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm, gây thiệt hại về tài

sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì lười biếng lao động, muốn có tiền mà không phải lao động chân chính nên bị cáo đã dấn thân vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và cũng nhằm mục đích phòng ngừa chung cho những ai muốn thực hiện hành vi như bị cáo.

[7] Về nhân thân: Bị cáo là thành phần nhân dân lao động làm thuê, chưa từng có tiền án, tiền sự.

[8] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[9] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi bị truy nã đã ra đầu thú; trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, có ông ngoại là N là người có công cách mạng. Các tình tiết này được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Với nhiều tình tiết giảm nhẹ và xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, có đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[12] Về vật chứng: Đã xử lý xong, đúng quy định.

[13] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Đ phạm "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Đ 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 01 năm 2019.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Đ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12 tháng 4 năm 2019). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú